

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 8 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lành Văn Khánh.

Bà Hà Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát V.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02-8-2021; Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 06/QĐ-CA ngày 21-7-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị V, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn Nà C (nay là thôn Thống N), xã Tràng P, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vi Tuấn A, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn Quảng T, xã Quảng L, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04-5-2021, bản tự khai, bản trình bày tiếp theo, nguyên đơn, chị Nông Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Tuấn A kết hôn từ năm 2018, anh chị có được tình hiểu yêu thương, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Quảng L, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 4-2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tuấn A có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị V đã cho anh Tuấn A cơ hội sửa chữa lỗi lầm và chăm lo cho vợ, con nhưng anh Tuấn A không thay đổi, hai vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 4-2021. Nay, chị xác định không còn tình cảm gì với anh Tuấn A, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Tuấn A có 01 con chung là Vy Phúc T, sinh ngày 07-4-2019, trước đây khi vợ chồng chưa ly thân cháu vẫn ở cùng bố, mẹ và ông, bà nội. Sau khi hai vợ chồng ly thân, chị V có đến đón con đi chơi được vài lần, sau đó gia đình anh Tuấn A không cho chị V đón cháu Vy Phúc T đi chơi cùng mẹ nữa. Khi ly hôn chị V xin được quyền nuôi con, không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Vi Tuấn A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị V kết hôn từ năm 2018, anh chị có được tình hiểu yêu thương, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 4-2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị V đi làm xa nhà, vợ chồng không có thời gian bên nhau và thời gian trước anh Tuấn A có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, mặc dù anh đã chấm dứt quan hệ với người phụ nữ đó nhưng chị V không tha thứ. Anh Tuấn A cũng nghi ngờ chị V có quan hệ bất chính với người khác nên hai vợ chồng xảy ra cãi vã và sống ly thân kể từ thời điểm đó đến nay. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị V và không đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị V có 01 con chung là Vy Phúc T, sinh ngày 07-4-2019, hiện con đang ở với anh và ông, bà nội. Khi ly hôn anh Tuấn A xin được quyền nuôi con, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Chị có được tự do tình cảm và có tình cảm yêu thương với anh Vi Tuấn A trước khi kết hôn. Nhưng sau khi kết hôn chị mới phát hiện anh Tuấn A có nhiều tật xấu như rượu chè, cờ bạc và có quan hệ ngoại tình. Để vun vén tình cảm vợ chồng, tháng 5-2020, sau sinh nhật của con trai, chị đã xin phép và được bố mẹ chồng đồng ý cho chị cai sữa con, đi Bắc G làm cùng chồng nhưng. Tết Âm lịch năm 2021 chị về nghỉ Tết, anh Tuấn A tiếp tục khiêu khích, sỉ nhục chị và gia đình chị, ngang nhiên gửi cho chị hình ảnh tình cảm giữa anh Tuấn A với người phụ nữ khác, thách thức chị làm đơn xin ly hôn. Chị vẫn nhẫn nhịn để giữ cho con gia đình trọn vẹn, nghe tin anh Tuấn A đi Bắc N làm chị theo xuống Bắc N để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Tháng 3-2021 chị làm

đơn xin ly hôn gửi Tòa án, sau đó chị đã rút đơn xin ly hôn để cho anh Tuấn A thêm cơ hội. Tuy nhiên, anh Tuấn A không trân trọng gia đình vợ, con, chị cũng không còn tình cảm với chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn A. Về con chung: Chị và anh Tuấn A có một người con chung là cháu Vy Phúc T, sinh ngày 07-4-2019. Từ khi mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trở nên căng thẳng, anh Tuấn A đuổi chị đi, chị ra ngoài ở, thỉnh thoảng chị về thăm con nhưng gia đình anh Tuấn A ngăn cản, không cho chị đưa đón con đi chơi. Vì nhớ, thương con nên chị đã nghỉ việc ở xa, về tìm việc làm ở thành phố Lạng Sơn để thỉnh thoảng đến thăm con. Hiện tại chị đang làm nhân V tại Spa Tâm A Beauty trên đường Phai V, thành phố Lạng S, lương tháng 8.000.000 đồng và ăn, nghỉ tại chỗ làm. Ngoài ra chị tự dành dụm, tiết kiệm được khoản tiền 150.000.000 đồng làm hai cuốn sổ tiết kiệm để dành nuôi con. Ở quê chị cũng có công việc, chỗ ở ổn định và có việc làm thêm ngoài công việc chính là chăm sóc, thu hái rừng hồi cùng bố, mẹ đẻ nhưng vì muốn ở gần con nên chị vẫn làm việc ở thành phố Lạng S. Chị xác định chị đủ điều kiện để nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vy Phúc T đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Vi Tuấn A trình bày, anh thừa nhận thời gian trước anh có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng mọi việc đã chấm dứt từ lâu, anh cũng đã xin lỗi chị V. Anh cũng cho rằng chị V kết hôn với anh không vì tình cảm vì sau ngày đăng ký kết hôn, chưa đến ngày tổ chức cưới hỏi anh đã đọc được tin nhắn của chị V gửi chị gái chị V có nội dung chị V đồng ý lấy anh Tuấn A để lấp chỗ trống. Tuy biết nhưng anh vẫn đồng ý cưới chị V vì mong muốn tình cảm của anh sẽ khiến chị V thay đổi. Anh thừa nhận có được nhắn tin cho chị V với nội dung "mày không phải vợ tao nữa" và có được gửi ảnh chụp anh và người phụ nữ khác cho chị V. Lý do vì anh nghe bạn anh nói chị V có người đàn ông khác. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị V nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh và chị V có một người con chung tên Vy Phúc T đúng như chị V trình bày. Gia đoạn trước gia đình anh vẫn để chị V thăm gặp, đưa đón con về nhà ngoại. Sau khi chị V làm đơn xin ly hôn, gia đình anh có ngăn cản không cho chị V đón con đi chơi vì nghĩ khi có bản án, quyết định của Tòa án thì chị V mới được đón con đi. Nếu chị V kiên quyết ly hôn, anh mong muốn được trực tiếp nuôi cháu Vy Phúc T đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn có ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc đúng quy định về việc viết bản khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định. Bị đơn chấp hành nhưng chưa đầy đủ nghĩa vụ về việc tham gia phiên họp theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khẳng định mâu thuẫn giữa anh Tuấn A và chị V đã trầm trọng, cuộc sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Về con chung: Chị Nông Thị V và anh Vi Tuấn A có một người con chung là Vy Phúc T, sinh ngày 07-4-2019, hiện cháu chưa đủ 03 tuổi, chị V có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 63, 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2014/UBTVQH ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị V ly hôn với anh Tuấn A; giao con chung cháu Vy Phúc T cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Chị Nông Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Vi Tuấn A có địa chỉ tại Thôn Quảng T, xã Quảng L, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2018, chị Nông Thị V và anh Vi Tuấn A về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Cả chị V và anh Tuấn A đều khẳng định do có mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân với nhau. Tháng 3-2021 chị V đã làm đơn xin ly hôn với anh Vi Tuấn A nhưng sau đó chị đã rút đơn khởi kiện để hai vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ. Nhưng đến nay, mâu thuẫn giữa hai anh chị vẫn không được hàn gắn. Tòa án đã xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ xác định giữa chị V và anh Tuấn A có mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân với nhau được một thời gian. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau, mâu thuẫn giữa chị V và anh Tuấn A đã trầm trọng, hai người không còn tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị V được ly hôn với anh Tuấn A là có cơ sở theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Trong quá trình chung sống chị V, anh Tuấn A có 01 người con chung là cháu Vy Phúc T, sinh ngày 07-4-2019, hiện nay cháu đang ở với anh Tuấn A. Khi ly hôn cả chị V và anh Tuấn A đều có nguyện vọng được nuôi con. Chị V và anh Tuấn A đều trình bày có công việc, thu nhập ổn định, chị V là nhân V tiệm Spa Tâm A Beauty, lương tháng trung bình của chị là hơn 8.000.000 đồng,

anh Tuấn A làm tại nhà phân phối Quang D, lương tháng trung bình 6.000.000 đồng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại tiệm Spa Tâm A Beauty xác nhận đúng là chị V có ký hợp đồng làm việc tại tiệm từ ngày 16-4-2021, thời hạn hợp đồng là 01 năm với mức lương 8.000.000đ/tháng. Ngoài ra chị V có 02 (hai) cuốn sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn. Đối với anh Tuấn A thời gian trước anh có đi làm tại nhà phân phối Quang D nhưng khoảng cuối tháng 6-2021 anh đã nghỉ việc ở đây. Tại phiên tòa anh Tuấn A trình bày hiện tại anh vẫn làm việc tại nhà phân phối Quang D nhưng tại đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 02-8-2021 anh Tuấn A trình bày từ ngày 20-6-2021 anh làm bốc vác tại Thái N. Lời khai của anh Tuấn A có nhiều mâu thuẫn và không có tài liệu chứng minh. Xét thấy, cả chị V, anh Tuấn A đều khẳng định mình có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con nhưng anh Tuấn A không chứng minh được hiện anh đang có công việc, thu nhập ổn định. Hơn nữa, cháu Vy Phúc T còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận cho chị V được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Vy Phúc T đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Tuấn A không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị V, anh Vi Tuấn A được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị V, xử cho nguyên đơn chị Nông Thị V được ly hôn với bị đơn anh Vi Tuấn A.

2. Về con chung:

Giao cháu Vy Phúc T, sinh ngày 07-4-2019 cho chị Nông Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Vi Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nông Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp quỹ Nhà nước. Xác nhận chị V đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0002747, ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị V đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- CC THADS TP. Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Nhàn